

Số: 56 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương Quý I năm 2020

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND tỉnh báo cáo Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương Quý I năm 2020, như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN, Biểu số 60/CK-NSNN):

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý I năm 2020 đạt 5.155 tỷ đồng, bằng 27,8% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 105,5% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó:

a) Thu nội địa đạt 3.456 tỷ đồng, bằng 22,5% dự toán HĐND giao, bằng 87,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Các khoản thu đạt và vượt tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 2.135 tỷ đồng, bằng 28,4% dự toán năm, bằng 90,6% so với cùng kỳ năm 2019;

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 164 tỷ đồng, bằng 52,8% dự toán năm, bằng 198,1% so với cùng kỳ năm 2019;

- Thuế thu nhập cá nhân đạt 121 tỷ đồng, bằng 26,1% dự toán năm; Thuế bảo vệ môi trường đạt 203 tỷ đồng, bằng 24,8% dự toán năm; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 52 tỷ đồng, bằng 50% dự toán năm; Thu khác đạt 53 tỷ đồng, bằng 25,9% dự toán năm.

Một số khoản thu chưa đảm bảo tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao: Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là 468 tỷ đồng, bằng 14,1% dự toán năm; Lệ phí trước bạ đạt 47 tỷ đồng, bằng 16,4% dự toán năm; Thu tiền sử dụng đất đạt 155 tỷ đồng, bằng 7,8% dự toán năm; Thu cho thuê mặt đất, mặt nước đạt 5 tỷ đồng, bằng 8% dự toán năm; Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 7 tỷ đồng, bằng 12,4% dự toán năm; Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, ... tại xã đạt 2 tỷ đồng, bằng 19,4% dự toán năm.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 1.689 tỷ đồng, bằng 52,8% so với dự toán năm và bằng 182,6% so với cùng kỳ năm 2019.

2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN, Biểu số 61/CK-NSNN)

Tổng chi ngân sách địa phương Quý I năm 2020 đạt 2.734 tỷ đồng, bằng 17,5% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 133,6% so với cùng kỳ năm 2019; cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương Quý I năm 2020 là 2.491 tỷ đồng, bằng 18,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 127,7% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: đạt 418 tỷ đồng, bằng 10,3% so với dự toán năm và bằng 98,5% so với cùng kỳ năm 2019.

- Chi thường xuyên: đạt 2.072 tỷ đồng, bằng 23,4% so với dự toán năm và bằng 135,8% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề đạt 616 tỷ đồng, bằng 17,7% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình đạt 332 tỷ đồng, bằng 38,8% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp kinh tế đạt 376 tỷ đồng, bằng 23,6% dự toán năm;

+ Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể đạt 436 tỷ đồng, bằng 25,5% dự toán năm;

+ Chi đảm bảo xã hội đạt 164 tỷ đồng, bằng 33,3% dự toán năm;

+ Các khoản chi đạt thấp như: chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ đạt 4,8 tỷ đồng, bằng 14,1% dự toán năm; chi văn hóa thông tin đạt 14 tỷ đồng, bằng 10,5% dự toán năm; thể dục thể thao đạt 5,3 tỷ đồng, bằng 16,1% dự toán năm; chi sự nghiệp Phát thanh-truyền hình đạt 16,5 tỷ đồng, bằng 16,1% dự toán năm.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,14 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP đạt 243 tỷ đồng, bằng 10,9% dự toán năm.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương Quý I năm 2020 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán; đồng thời bổ sung chi một số nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- VPU: C, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KT viết 129

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	THỰC HIỆN 3 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	18.560.000	5.155.535	27,8%	105,5%
I	Thu cân đối NSNN	18.560.000	5.155.535	27,8%	105,5%
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	15.360.000	3.456.576	22,5%	87,3%
2	Thu từ dầu thô		-		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	3.200.000	1.689.532	52,8%	182,6%
4	Thu viện trợ		-		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	15.614.295	2.733.805	17,5%	133,6%
I	Chi cân đối NSDP	13.380.756	2.490.665	18,6%	127,7%
1	Chi đầu tư phát triển	4.063.700	417.837	10,3%	98,5%
2	Chi thường xuyên	8.860.308	2.071.688	23,4%	135,8%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.000	-	0,0%	0,0%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100,0%	100,0%
5	Chi dự phòng ngân sách	256.500	-	0,0%	
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	198.108		0,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.233.539	243.140	10,9%	253,3%
C	BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSDP	38.500		0,0%	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	38.250		0%	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

DVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	THỰC HIỆN 3 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	18.560.000	5.155.535	27,8%	105,5%
I	Thu nội địa	15.360.000	3.456.576	22,5%	87,3%
1	Thu từ khu vực DNNN	7.531.000	2.135.138	28,4%	90,6%
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	310.000	163.765	52,8%	198,1%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.327.000	467.801	14,1%	104,0%
4	Thuế thu nhập cá nhân	465.000	121.191	26,1%	114,9%
5	Thuế bảo vệ môi trường	820.000	203.460	24,8%	115,9%
6	Lệ phí trước bạ	290.000	47.564	16,4%	79,1%
7	Các loại phí, lệ phí	170.000	41.006	24,1%	81,4%
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.065.000	160.617	7,8%	27,8%
+	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-		
+	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	514	10,3%	103,8%
+	Thu tiền sử dụng đất	2.000.000	155.303	7,8%	31,3%
+	Thu cho thuê mặt đất, mặt nước	60.000	4.792	8,0%	5,9%
+	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		8		
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	55.000	6.827	12,4%	55,3%
10	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	5.000	1.201	24,0%	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	105.000	52.529	50,0%	139,7%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,... tại xã	12.000	2.322	19,4%	73,6%
13	Thu khác	205.000	53.155	25,9%	112,3%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	3.200.000	1.689.532	52,8%	182,6%
1	Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu	2.725.000	1.558.493	57,2%	205,8%
2	Thuế xuất khẩu	195.000	59.902	30,7%	111,9%
3	Thuế nhập khẩu	269.000	59.654	22,2%	52,4%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu		3		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng nhập khẩu	11.000	11.258	102,3%	0,0%
6	Thu khác		223		
IV	Thu viện trợ		-		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	13.281.356	2.955.469	22,3%	85,5%
1	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ 88%	10.377.910	2.586.859	24,9%	97,4%
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.903.446	368.610	12,7%	46,0%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

DVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	THỰC HIỆN 3 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	15.614.295	2.733.805	17,5%	133,6%
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.380.756	2.490.665	18,6%	127,7%
I	Chi đầu tư phát triển	4.063.700	417.837	10,3%	98,5%
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.037.700	396.337	9,8%	98,2%
2	Chi đầu tư các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	6.000			
3	Chi đầu tư phát triển khác	20.000	21.500	107,5%	104,9%
II	Chi thường xuyên	8.860.308	2.071.688	23,4%	135,8%
	<i>Trong đó :</i>				
1	Chi sự nghiệp Giáo dục-đào tạo và dạy nghề	3.485.724	616.209	17,7%	104,6%
2	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	34.460	4.852	14,1%	111,7%
3	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	856.850	332.191	38,8%	252,0%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	134.547	14.143	10,5%	144,5%
5	Chi sự nghiệp Phát thanh-truyền hình	40.593	6.549	16,1%	66,3%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	33.349	5.382	16,1%	92,7%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	160.156	28.049	17,5%	270,1%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.595.153	376.468	23,6%	350,7%
9	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.712.608	436.464	25,5%	110,7%
10	Chi đảm bảo xã hội	492.547	164.094	33,3%	112,8%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.000		0,0%	0,0%
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100,0%	100,0%
V	Chi dự phòng ngân sách	256.500			
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	198.108			
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.233.539	243.140	10,9%	253,3%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.039.061	180.440	17,4%	264,8%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.025.176	45.770	4,5%	187,1%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	169.302	16.930	10,0%	500,3%